



**Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ
(Việt Nam)**

Báo cáo tài chính tóm tắt giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019

(được lập theo quy định của Thông tư số
234/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của
Bộ Tài chính)





KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi Hội đồng Thành viên
Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam)**

Báo cáo tài chính tóm tắt giữa niên độ đính kèm, được lập ngày 22 tháng 8 năm 2019, từ trang 3 đến trang 9, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và thuyết minh về các chỉ tiêu tài chính cơ bản tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, được trích từ báo cáo tài chính tóm lược giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 của Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam) ("Ngân hàng") đã được soát xét. Chúng tôi đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính tóm lược giữa niên độ trong báo cáo soát xét ngày 22 tháng 8 năm 2019. Báo cáo tài chính tóm lược giữa niên độ và báo cáo tài chính tóm tắt giữa niên độ không phản ánh ảnh hưởng của các sự kiện phát sinh sau ngày phát hành báo cáo soát xét nói trên.

Báo cáo tài chính tóm tắt giữa niên độ không bao gồm tất cả các thuyết minh cần phải công bố theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Do đó, việc đọc báo cáo tài chính tóm tắt giữa niên độ không thể thay thế cho việc đọc báo cáo tài chính tóm lược giữa niên độ của Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam).

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày báo cáo tài chính tóm tắt giữa niên độ bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và thuyết minh về các chỉ tiêu tài chính cơ bản tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày theo các quy định cụ thể về báo cáo tài chính tóm tắt giữa niên độ của Thông tư số 234/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý giao dịch trái phiếu chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính tóm tắt giữa niên độ dựa trên các thủ tục mà chúng tôi đã thực hiện theo quy định và hướng dẫn của Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 810 – "Dịch vụ báo cáo về báo cáo tài chính tóm tắt".



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính tóm tắt giữa niên độ được trích từ báo cáo tài chính tóm lược giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 của Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam) đã được soát xét đã không phản ánh nhất quán, trên các khía cạnh trọng yếu, với báo cáo tài chính tóm lược giữa niên độ đã được soát xét, phù hợp với các quy định cụ thể về báo cáo tài chính tóm tắt giữa niên độ của Thông tư số 234/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý giao dịch trái phiếu chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 19-02-00086-19-2



Đàm Xuân Lâm

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0861-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2019

Phạm Huy Cường

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 2675-2019-007-1

Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam)
Tầng 16, Tòa nhà Gelex Tower, Số 52 Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B02a/TCTD

	30/6/2019 Triệu VND	31/12/2018 Triệu VND
A TÀI SẢN		
I Tiền mặt tại quỹ	28.983	32.752
II Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNNVN”)	110.269	109.329
III Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	11.373.065	13.872.480
1 Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác	11.373.065	13.408.443
2 Cho vay các tổ chức tín dụng khác	-	464.037
IV Chứng khoán kinh doanh	66.951	-
1 Chứng khoán kinh doanh	66.951	-
VI Cho vay khách hàng	11.517.659	13.997.024
1 Cho vay khách hàng	11.604.694	14.073.734
2 Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(87.035)	(76.710)
VII Hoạt động mua nợ	270.072	360.340
1 Mua nợ	272.113	363.530
2 Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ	(2.041)	(3.190)
VIII Chứng khoán đầu tư	2.282.271	2.112.274
1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	2.282.271	2.112.274
X Tài sản cố định	24.307	30.463
1 Tài sản cố định hữu hình	23.873	29.508
a Nguyên giá	103.066	102.598
b Hao mòn tài sản cố định hữu hình	(79.193)	(73.090)
3 Tài sản cố định vô hình	434	955
a Nguyên giá	5.724	5.724
b Hao mòn tài sản cố định vô hình	(5.290)	(4.769)
XII Tài sản Có khác	411.743	477.355
1 Các khoản phải thu	342.465	342.986
2 Các khoản lãi, phí phải thu	121.653	177.434
3 Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	21.113	21.113
4 Tài sản Có khác	3.746	13.056
5 Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	(77.234)	(77.234)
TỔNG TÀI SẢN	26.085.320	30.992.017

		30/6/2019 Triệu VND	31/12/2018 Triệu VND
B	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		
	NỢ PHẢI TRẢ		
I	Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	1.029.649	-
II	Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	8.826.005	9.525.380
1	Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác	8.826.005	9.525.380
III	Tiền gửi của khách hàng	11.102.850	16.527.032
VII	Các khoản nợ khác	366.802	160.364
1	Các khoản lãi, phí phải trả	49.358	40.933
3	Các khoản phải trả và nợ khác	317.444	119.431
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	21.325.306	26.212.776
	VỐN CHỦ SỞ HỮU		
VIII	Vốn chủ sở hữu	4.760.014	4.779.241
1	Vốn điều lệ	3.000.000	3.000.000
2	Quỹ của tổ chức tín dụng	528.030	528.030
3	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	114.247	114.247
5	Lợi nhuận chưa phân phối	1.117.737	1.136.964
	TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	4.760.014	4.779.241
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	26.085.320	30.992.017

		30/6/2019 Triệu VND	31/12/2018 Triệu VND
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
2	Cam kết giao dịch hối đoái	140.633.945	138.940.613
	<i>Cam kết mua ngoại tệ</i>	68.208.157	67.594.002
	<i>Cam kết bán ngoại tệ</i>	72.425.788	71.346.611
3	Cam kết cho vay không hủy ngang	636.402	659.434
4	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	2.009.228	2.031.022
5	Bảo lãnh khác	1.372.361	1.698.740

Ngày 22 tháng 8 năm 2019

Người lập:



Nguyễn Phương Lân
Kế toán trưởng

Người soát xét:



Ngô Thị Hà
Giám đốc Khối Tài chính

Người phê duyệt:



Jodi Maree West
Tổng Giám đốc

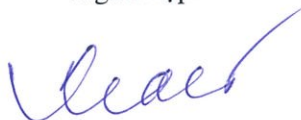
Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam)
Tầng 16, Tòa nhà Gelex Tower, Số 52 Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B03a/TCTD

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 Triệu VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018 Triệu VND
1 Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	579.977	536.337
2 Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(254.676)	(165.763)
I Thu nhập lãi thuần	325.301	370.574
3 Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	41.301	43.526
4 Chi phí hoạt động dịch vụ	(10.984)	(10.009)
II Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	30.317	33.517
III Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	125.702	84.165
IV Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	1.256	17.381
V Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	-	5.805
5 Thu nhập từ hoạt động khác	9.841	12.312
6 Chi phí hoạt động khác	-	(30.241)
VI Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động khác	9.841	(17.929)
VIII Chi phí hoạt động	(301.882)	(390.176)
IX Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	190.535	103.337
X Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(9.176)	(50.470)
XI Tổng lợi nhuận trước thuế	181.359	52.867
7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(36.272)	(10.573)
XII Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	(36.272)	(10.573)
XIII Lợi nhuận sau thuế	145.087	42.294

Ngày 22 tháng 8 năm 2019

Người lập:



Nguyễn Phương Lâm
Kế toán trưởng

Người soát xét:



Ngô Thị Hà
Giám đốc Khối Tài chính

Người phê duyệt:



Loài Maree West
Tổng Giám đốc

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 Triệu VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018 Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01 Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	635.758	606.488
02 Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(246.251)	(167.723)
03 Thu nhập thuần từ hoạt động dịch vụ nhận được	30.317	33.517
04 Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ, chứng khoán	126.958	107.351
05 Thu nhập khác nhận được/(chi phí khác đã trả)	9.841	(17.974)
06 Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro	-	45
07 Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(295.259)	(382.817)
08 Tiền thuế TNDN thực nộp trong kỳ	(37.680)	(214.329)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động	223.684	(35.442)
<i>Những thay đổi về tài sản hoạt động</i>		
09 Giảm/(tăng) tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	464.037	(229.568)
10 Tăng chứng khoán kinh doanh	(236.948)	(258.248)
12 Giảm/(tăng) cho vay khách hàng	2.469.040	(35.051)
14 Giảm/(tăng) khác về tài sản hoạt động	101.257	(21.851)
<i>Những thay đổi về công nợ hoạt động</i>		
15 Tăng các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	1.029.649	-
16 (Giảm)/tăng tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	(699.375)	2.103.450
17 (Giảm)/tăng tiền gửi của khách hàng	(5.424.182)	2.490.033
21 Tăng/(giảm) khác về công nợ hoạt động	35.099	(218.336)
I LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	(2.037.739)	3.794.987

		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 Triệu VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018 Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01	Mua sắm tài sản cố định	(468)	(4.383)
02	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	364
II	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	(468)	(4.019)
IV	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	(2.038.207)	3.790.968
V	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM ĐẦU KỲ	13.550.524	7.964.168
VII	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM CUỐI KỲ	11.512.317	11.755.136

Ngày 22 tháng 8 năm 2019

Người lập:



Nguyễn Phương Lân
Kế toán trưởng

Người soát xét:



Ngô Thị Hà
Giám đốc Khối Tài chính



Người phê duyệt:

Jodi Maree West
Tổng Giám đốc

Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam)

Tầng 16, Tòa nhà Gelex Tower, Số 52 Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành

Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

Các chỉ tiêu tài chính cơ bản tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày

	30/6/2019 Triệu VND/%	31/12/2018 Triệu VND/%
Vốn điều lệ	3.000.000	3.000.000
Tổng tài sản có	26.085.320	30.992.017
Tỷ lệ an toàn vốn	21,08%	17,97%
Nợ quá hạn	-	-
Nợ khó đòi	-	-
Tỉ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh	0,00%	0,00%
Tỉ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ	0,00%	0,00%
Tỉ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ	0,00%	0,00%
Doanh số huy động tiền gửi	11.102.850	16.527.032
Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	52,09%	31,12%
Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày		
▪ VND	76,56%	69,11%
▪ Các loại tiền tệ khác	243,63%	601%
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 Triệu VND/%	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018 Triệu VND/%
Doanh số cho vay khách hàng	16.540.785	20.301.257
Doanh số thu nợ khách hàng	19.107.959	20.266.206
Hệ số sử dụng vốn năm (ROE)	5,99%	1,69%

Ngày 22 tháng 8 năm 2019

Người lập:

Nguyễn Phương Lâm
Kế toán trưởng

Người soát xét:

Ngô Thị Hà
Giám đốc Khối Tài chính

Người phê duyệt:



Jodi Maree West
Tổng Giám đốc